

Số: 13/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và chủ động điều chỉnh nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng khi có sự thay đổi các văn bản hướng dẫn của Trung ương hoặc để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 10 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2022. /.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐV.P;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phuong Thị Thanh

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

e) Chi hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm:

Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phân tích thành phần định lượng của hàng hóa; chi phí thẩm định, điều kiện hành nghề, kinh doanh; chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá và công bố hợp chuẩn, hợp quy; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; thực hành nông nghiệp tốt; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng; hoàn thiện, cải tiến, ứng dụng, đổi mới công nghệ; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho các sản phẩm hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực và xuất khẩu;

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e) Xây dựng, quản lý dự án.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

e) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (*bao gồm đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*).

g) Xây dựng mô hình khuyến nông.

Điều 4. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

a) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết (*Mẫu số 01 kèm theo Quy định này*).

b) Dự án liên kết (*Mẫu số 02 kèm theo*) hoặc kế hoạch liên kết (*Mẫu số 03 kèm theo Quy định này*).

c) Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết (*Mẫu số 04 kèm theo Quy định này*) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (*Mẫu số 05 kèm theo Quy định này*).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

e) Tài liệu minh chứng năng lực của đơn vị chủ trì liên kết: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương); Quyết định thành lập đơn vị (hoặc tương đương); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Báo cáo tài chính năm gần nhất; Bản sao hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tương tự (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

a) Đề xuất dự án, kế hoạch liên kết triển khai thực hiện hằng năm.

- Căn cứ danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn đã được phê duyệt, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thông báo các chủ trì liên kết (*các doanh nghiệp, HTX*) lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết để thẩm định, phê duyệt.

- Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án, kế hoạch liên kết không nằm trong danh mục định hướng trung hạn đã được phê duyệt, Chủ trì dự án các cấp phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức rà soát và tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành văn bản đồng ý chủ trì liên kết lập hồ sơ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo quy định.

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

- Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị

hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có).

- Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi (10 bộ) hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến đơn vị chủ trì dự án cấp huyện đối với dự án thuộc phạm vi cấp huyện, đến đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư. Đơn vị chủ trì dự án cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện hỗ trợ dự án quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị cấp tỉnh thực hiện; hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 huyện, thành phố. Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Điều 5. Nội dung hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

- Chi xây dựng và quản lý dự án:

+ Chi nghiên cứu, lập dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; xây dựng dự án nhân rộng và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án đã được thử nghiệm thành công;

+ Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ khác có nhu cầu và điều kiện để tham gia dự án;

+ Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm;

+ Chi các nội dung khác về quản lý dự án (*nếu có*) theo thực tế phát sinh.

- Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất từng dự án:

+ Tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

+ Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

- Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ:

Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

d) Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

g) Xây dựng, quản lý dự án.

Điều 6. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng (*Mẫu số 01 kèm theo Quy định này*).

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Mẫu số 07 kèm theo Quy định này*).

c) Biên bản họp dân (*Mẫu số 08 kèm theo Quy định này*).

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện lãnh đạo các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*hoặc phòng Kinh tế*), Tài chính - Kế hoạch và các phòng liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (*nếu có*). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định dự án, phương án.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất. Nếu dự án, phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất

do cộng đồng dân cư đề xuất không đủ điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (*ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)*); hình thức, mức quay vòng (*nếu có*); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (*nếu có*).

Điều 7. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6 của Quy định này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành chủ quản chương trình, thông tư của Bộ Tài chính.

3. Lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư có khả năng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án (kế hoạch) liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hoặc hỗ trợ dự án (phương án) phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 02	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 03	Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết
Mẫu số 05	Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
Mẫu số 06	Hợp đồng cơ quan, đơn vị được giao vốn ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết, tổ nhóm, cộng đồng
Mẫu số 07	Dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 08	Biên bản họp dân

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ dự án (kế hoạch) liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hoặc hỗ trợ dự án (phương án) phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình.....

Kính gửi:

Chủ trì liên kết:

Hoặc tổ, nhóm cộng đồng

Người đại diện pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số:..... ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Căn cứ

(tên chủ trì liên kết hoặc tổ, nhóm cộng đồng) đề nghị

(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết hoặc đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất

.....

2. Địa bàn thực hiện:.....

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:.....

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:.....

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:.....

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:.....

- 5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:.....
- 6. Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
.....
- 7.
- 8. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....
Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):.....

III. CAM KẾT:.....(*tên chủ trì liên kết hoặc tổ nhóm cộng đồng*)
cam kết:

- 1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
- 2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
- 3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):
...../.

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Lưu:

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT/ĐẠI DIỆN
TỔ NHÓM CỘNG ĐỒNG**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Đối với tổ, nhóm cộng đồng)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ
.....(tên hình thức liên kết)

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Đơn vị chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ,ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

.....

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết.....(danh sách, địa chỉ từng hộ kèm theo).

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

(liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

.....

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Tổng quan về hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trước khi thực hiện dự án liên kết (*Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất*).

2. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

.....

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông.....)

- Hỗ trợ đào tạo tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí.....)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí.....)

- Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

.....

.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

.....

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án (chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập,...) theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án:.....

2. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

3. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):.....

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể về phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, dự toán chi tiết theo năm kế hoạch, các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

.....

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

.....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

1. Đơn vị chủ trì liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:, Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

4. Tổng quan về liên kết sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm thực hiện liên kết:

- Quy mô liên kết:

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
.....

- Hình thức liên kết:

- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

-

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án (chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập,...) theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án:.....

2. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

3. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):.....

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể về phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, dự toán chi tiết theo năm kế hoạch, các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

VI. KIẾN NGHỊ

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Ngày tháng năm , tại,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ DỰ ÁN TRÌ LIÊN KẾT:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:.....

(Tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ trì liên kết:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax.....Email

Mã số thuế:

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt

Lâm nghiệp

Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm, thủy sản:

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện)

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng)

Căn cứ

Hôm nay, ngày..... tháng.....năm....., tại: chúng tôi gồm:

1. Đại diện chủ đầu tư (Bên A):

- Ông:.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Đại diện chủ trì liên kết (Bên B):

- Ông:.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Dự án (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Dự án, phương án

Bên A đồng ý ký hợp đồng để giao Bên B thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án, phương án theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án đã được (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết) phê duyệt tại Quyết định số

Thuyết minh Dự án, phương án là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Bên B nhận thực hiện dự án trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án

.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

.....

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

.....

Điều 5. Thanh toán

Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sau khi bên B hoàn thành các nhiệm vụ và được nghiệm thu theo tiến độ thực hiện.

Điều 6. Điều khoản chung

.....

Hợp đồng này gồm trang và được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(đối với tổ, nhóm hộ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

.....

I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư

- Người đại diện:.....
- Chức vụ:.....
- Số căn cước công dân (hoặc CMND).....ngày cấp.....nơi cấp.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại liên lạc.....
- Số tài khoản, tại ngân hàng.....

2. Sơ lược về tình hình chung của nhóm

- Quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên;
- Số hộ dân tham gia dự án, phương án (*danh sách tham gia, hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.....*);

3. Tổng quan về sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng dự án, phương án.....

4. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):.....

5. Thời gian triển khai:.....

6. Địa bàn thực hiện:.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):.....

8. Hình thức hỗ trợ sản xuất.....

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư

2. Nội dung của dự án, phương án:

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện sản xuất:
- Quy mô thực hiện:

- Quy trình kỹ thuật áp dụng trong quá trình sản xuất:.....

3. Xác định các hoạt động sản xuất nhằm đáp ứng mục tiêu dự án/phương án của cộng đồng

4. Dự kiến kết quả sản xuất sản phẩm của cộng đồng

5. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của cộng đồng

Số lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường (trong nhân dân, thương lái, hợp tác xã, doanh nghiệp).

6. Phương án bố trí cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất của cộng đồng

7. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia:

8.....

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ (*ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách*).

.....
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia: Nhóm hộ, tổ hợp tác (*chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có*).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp

2. Hiệu quả về mặt xã hội, kinh tế, môi trường:

.....

3. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật; hình thức, mức quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có):

.....

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

.....
.....

VI. KIẾN NGHỊ

.....
.....

VII. CAM KẾT

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của dự án, phương án theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực.....

Nếu có sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):.....

**ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ.....
Thôn/ Bản/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày tháng...năm.....

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày... tháng... năm 20 ..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); *Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia : ...)*

- Đại diện UBND xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....

Ông/ bà..... chức vụ.....

- Thôn/ bản

Ông/bà..... Chức vụ: Trưởng thôn/bản (chủ trì cuộc họp)

Ông/bà..... (thư ký cuộc họp)

- Tổng số hộ dân:/..... hộ tham gia.

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có);

-Thành lập tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với các thôn/bản chưa có tổ/ nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

(Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi)

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) tham gia dự án hỗ trợ phát

triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/ trưởng nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồmthành viên danh sách cụ thể như sau:

3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

Stt	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, xã)	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Số căn cước công dân/ ngày cấp/ nơi cấp	Chức danh	Đăng ký hộ trợ	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
							Tổ trưởng/ trưởng nhóm				
							Tổ phó/ phó nhóm				
							Thành viên				Có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ... cùng ngày. Được thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ/nhóm cộng đồng
Tổ trưởng/ trưởng nhóm
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì (Trưởng thôn/bản)
(ký, ghi rõ họ tên)